TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ UÔNG BÍ** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2018/HNGĐ-ST
Ngày 13 - 11 - 2018
V/v tranh chấp: hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Thành Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Xuân, cán bộ nghỉ hưu tại phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

2. Bà Vũ Thị Xuyến, Chủ tịch Uỷ ban Mặt trận tổ quốc phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trung Nghĩa, là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Uông Bí tỉnh Quảng Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên toà*:** Ông Phạm Tiến Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 241/2018/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2018 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1994; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ …, khu ……., phường ……, thành phố B, tỉnh Q; nơi ở: số nhà ..., khu ..., phường ...., thị xã Y, tỉnh Q; có mặt.

2. Bị đơn: Anh **Đinh Văn M**, sinh năm 1977; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: tổ …, khu ……., phường ……, thành phố B, tỉnh Q; nơi ở: số nhà ..., khu ..., phường ...., thị xã Y, tỉnh Q; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Nguyễn Thị N và anh Đinh Văn M kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn ngày 17/7/2014 tại Ủy ban nhân dân phường ……, thành phố B, tỉnh Q. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống với nhau tại nhà anh M. Sau một thời gian chung sống hạnh phúc, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, tháng 8 năm 2018 chị N về nhà bố mẹ đẻ ở thị xã Y, tỉnh Q sinh sống và hai vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay.

Về con chung: Chị N và anh M có 01 (một) con chung là Đinh Mạnh K, sinh ngày 01/3/2015 vẫn đang sinh sống cùng anh M.

Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của chị N: Về quan hệ hôn nhân: Sau khi kết hôn và chung sống với nhau một thời gian, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh M hay uống rượu, chửi bới, đánh đập và gây áp lực cho chị, không tôn trọng chị và bố mẹ đẻ của chị. Chị không thể chịu đựng được nữa và thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn. Về con chung: Trong đơn khởi kiện, chị đề nghị Tòa án giao con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con. Tại văn bản ngày 17/10/2018, chị N thay đổi yêu cầu và đề nghị Toà án giao con chung cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng, chị không phải cấp dưỡng nuôi con, do hiện nay chị chưa có việc làm và thu nhập. Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của anh M: Về quan hệ hôn nhân: Sau khi kết hôn và chung sống với nhau và có một con chung như chị N trình bày là đúng. Mặc dù chị N đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Trong cuộc sống vợ chồng, đôi lúc anh có nóng nảy với chị N, nhưng anh thấy tình cảm của mình với vợ vẫn còn nên không muốn ly hôn. Anh muốn chị N về nhà chung sống cho con cái có bố, có mẹ. Trường hợp chị N cương quyết ly hôn thì anh cũng phải chấp nhận, nhưng anh đề nghị Tòa án giao con chung cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, anh không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà. hai bên đương sự thoả thuận được với nhau: Giao con chung cho cho anh Đinh Văn M trực tiếp nuôi dưỡng; chị N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.200.000đ (một triệu hai trăm nghìn đồng) kể từ tháng 12 năm 2018 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhiều lần tiến hành hòa giải đoàn tụ vợ chồng nhưng không thành. Toà án cũng đã dành nhiều thời gian cho hai bên được tự thuyết phục, chia sẻ, thông cảm cho nhau để hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng chị N không đồng ý đoàn tụ và cũng không về chung sống cùng anh M.

Tại Biên bản xác minh ngày 11/10/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, ông Bùi Xuân Hoà - Khu trưởng Khu 7, phường Trưng Vương, thành phố Uông Bí cho biết: Chị N và anh M kết hôn với nhau năm 2014. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng về sinh sống tại tổ …, khu …….., phường ……, thành phố B, tỉnh Q. Hai vợ chồng làm nghề khai thác nhựa thông và cuộc sống diễn ra bình thường. Gần đây, vợ chồng mâu thuẫn, chị N bỏ về thị xã Y, tỉnh Q sinh sống và ly thân với anh M. Về việc đánh vợ thì địa phương không nắm được, nhưng ở địa phương anh M cũng là người nóng tính, trước đây có vài lần xô sát ngoài xã hội. Về con chung: hai vợ chồng có 01 con chung, thu nhập của vợ chồng địa phương không nắm được. Địa phương cũng đã khuyên nhủ vợ chồng về ở với nhau để xây dựng gia đình, nhưng chị N vẫn có yêu cầu ly hôn gửi đơn đến Toà án, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử; đương sự đã được đảm bảo thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

1) Có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn;

2) Giao con chung cho cho bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng; nguyên đơn có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.200.000đ (một triệu hai trăm nghìn đồng) kể từ tháng 12 năm 2018 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).;

3) Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng**: Việc thụ lý và giải quyết vụ án dân sự về tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] **Về nội dung**:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Đinh Văn M có đủ điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn hợp pháp. Quá trình chung sống với nhau một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Tòa án đã nhiều lần triệu tập, thông báo tổ chức tiến hành hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành do chị N vẫn cương quyết xin ly hôn. Xét thấy: tình cảm vợ chồng và quan hệ hôn nhân có đạt được hay không phải xuất phát từ ý chí, nguyện vọng và sự tự nguyện của hai bên, trên cơ sở tôn trọng, quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Nhưng hai bên đã sống ly thân, chị N không còn quan tâm đến anh M, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn là phù hợp với thực tế và quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về việc nuôi dưỡng con chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Đinh Văn M có 01 con chung, đang ở cùng anh M ổn định. Anh M có việc làm và thu nhập, có điều kiện nuôi dưỡng con. Tại phiên toà, các đương sự cũng đã thoả thuận được với nhau về vấn đề này. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi của con, ổn định tâm lý, sinh sống và học tập, Hội đồng xét xử công nhận sự thoả thuận của đương sự là phù hợp với thực tế và phù hợp với ý chí của hai bên và phù hợp với quy định tại các điều 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Trường hợp các bên có thỏa thuận hoặc một bên

không đủ điều kiện nuôi con thì bên kia vẫn có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[5] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng: khoản 2 Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm c khoản 2 Điều 266, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 1 Điều 3, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - chị Nguyễn Thị N.

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Đinh Văn M.

2. Về nuôi dưỡng con chung:

2.1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự tại phiên toà: Giao con chung Đinh Mạnh K sinh ngày 01/3/2015 cho anh Đinh Văn M trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng kể từ tháng 12 năm 2018 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chị Nguyễn Thị N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.200.000đ (một triệu hai trăm nghìn đồng) kể từ tháng 12 năm 2018 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

2.2. Chị Nguyễn Thị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp, chị N lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh M có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị N.

2.3. Sau khi ly hôn, các bên vẫn có quyền thỏa thuận thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc trường hợp bên nào không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bên kia có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000539 ngày 19 tháng 8 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Chị Nguyễn Thị N đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo của các đương sự: Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án./.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- UBND P. T,
TP. Uông Bí, T. Quảng Ninh;
- Đương sự;
- VKSND TP. Uông Bí;
- THADS TP. Uông Bí;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu HS; TA.

Nguyễn Thành Lâm